TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2025.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Hội.

2. Bà Lò Thị Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hà Văn Yến, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị X, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh S (nay là bản C, xã Đ, thị xã M, tỉnh S), có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn X, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện M, tỉnh S (nay là bản C, xã Đ, thị xã M, tỉnh S), có mặt, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 15/10/2024, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị X trình bày:

Chị X và anh Triệu Văn X về ở với nhau từ năm 2001, nhưng đến ngày 28/6/2006 chị và anh X mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quy Hướng huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. (nay là xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

Sau khi kết hôn chị về ở làm dâu nhà anh X một thời gian, sau đó hai anh chị ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh X thường xuyên có hành vi đánh đập chị, do không chịu nổi nên chị đã sống ly thân với anh X từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh X có với nhau 03 cháu là Triệu Thị T, sinh ngày 02/10/2002, cháu Triệu Thị T, sinh ngày 13/6/2007, cháu Triệu Văn T, sinh ngày 13/11/2009.

Hiện nay cháu Triệu Thị T, đã trưởng thành 18 tuổi, đã xây dựng gia đình, còn cháu Triệu Thị Th và cháu Triệu Văn T, các cháu không mất năng lực hành vi dân sự, chị xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh X phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Tự giải quyết với nhau, không kê khai, không đề nghị Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đặng Thị X xin chịu toàn bộ.

Bị đơn: Anh Triệu Văn X trình bày.

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung anh nhất T như chị X trình bày.

Anh X khai do chị X có quan hệ ngoại tình, nên đã tự ý bỏ nhà đi, nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin được đoàn tụ, trường hợp ly hôn về con chung, anh xin nuôi hai cháu cháu Triệu Thị T, sinh ngày 13/6/2007, cháu Triệu Văn T, sinh ngày 13/11/2009. Không yêu cầu chị X phải đóng góp tiền nuôi con cùng anh.

Đối với cháu Triệu Thị T, cháu đã trưởng thành 18 tuổi, đã xây dựng gia đình, nên không đề cập việc giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia, không kê khai, không đề nghị Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

1. Xử cho chị Đặng Thị X và anh Triệu Văn X được ly hôn.

2. Về con chung:

Đối với cháu Triệu Thị T, cháu đã trưởng thành 18 tuổi, đã xây dựng gia đình, nên không đề cập việc giải quyết.

Giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 13/6/2007, cháu Triệu Văn T, sinh ngày 13/11/2009, cho chị Đặng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Triệu Văn X do chị X chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3.Về tài sản chung: Do các bên không kê khai, và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5.Về án phí: Chị Đặng thị X được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn đã có bản tự khai trình bày ý kiến nguyện vọng của mình.

Quá trình hòa giải anh X giữ nguyên ý kiến xin được đoàn tụ.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tống đạt cho anh X hợp lệ, tuy nhiên anh X đều vắng mặt, do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị X và anh Triệu Văn X về ở với nhau từ năm 2001, nhưng đến ngày 28/6/2006 chị và anh X mới làm thủ tục đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q huyện M, tỉnh S. (nay là xã Đ, thị xã M, tỉnh S), nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị về ở làm dâu nhà anh X một thời gian, sau đó hai anh chị ra ở riêng, cuộc sống vợ chòng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh X thường xuyên có hành vi đánh đập chị, do không chịu nổi nên chị đã sống ly thân với anh X từ năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X. Mặc dù anh X xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của anh xin đoàn tụ.

Tòa án xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng chị X và anh X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2023, không ai quan tâm đến ai nữa, tại phiên tòa chị X vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh X, như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị X và anh X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị X được ly hôn với anh X.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị X và anh X có với nhau 03 cháu là Triệu Thị T, sinh ngày 02/10/2002, cháu Triệu Thị T, sinh ngày 13/6/2007, cháu Triệu Văn T, sinh ngày 13/11/2009.

Hiện nay cháu Triệu Thị T, đã trưởng thành 18 tuổi, đã xây dựng gia đình, còn cháu Triệu Thị T và cháu Triệu Văn T, các cháu không mất năng lực hành vi dân sự, chị xin được nuôi hai cháu và không yêu cầu anh X phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

Tòa án cũng đã ghi ý kiến của cháu T và cháu T, nguyện vọng của các cháu đều xin được ở với chị X, sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy từ khi chị X và anh X sống ly thân với nhau, cháu T và cháu T vẫn ở cùng với chị X, do chị X nuôi dưỡng, giáo dục, do vậy sau khi đã giải quyết cho chị X được ly hôn với anh X, cần giao hai cháu T và T cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi hai cháu T và T trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Triệu Văn X do chị X chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ ai, nên không đê cập việc giải quyết.

[6] Về án phí: Do chị Đặng Thị X là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Đặng Thị X và anh Triệu Văn X được ly hôn.

2. Về con chung:

Đối với cháu Triệu Thị T, đã trưởng thành 18 tuổi, đã xây dựng gia đình.

Giao cháu Triệu Thị T, sinh ngày 13/6/2007, cháu Triệu Văn T, sinh ngày 13/11/2009, cho chị Đặng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Triệu Văn X do chị X chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không kê khai và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đặng Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên trả lại cho chị Đặng Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002206 ngày 15/10/2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- UBND xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh